

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Số: 36 /2020/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 23/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

h

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2418/TTr-STC ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Báo cáo thẩm định số 1528/BC-STP ngày 13 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; gồm 03 Chương, 13 Điều.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày *M*..tháng.*g*..năm 2020.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 62/2016/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Đối với đối tượng đã có thông báo nộp tiền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện nộp tiền theo nội dung đã Thông báo.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế-Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các huyện, thành ủy;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Ninh Thuận;
- Trung tâm CNTT và truyền thông (công báo);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, chuyên viên;
- Lưu: VT. ĐN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh

QUY ĐỊNH

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2020/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước (sau đây viết tắt là cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải nộp một khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp được xác định bằng 60% nhân (x) diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền nhân (x) giá của loại đất trồng lúa tính theo bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất. Cụ thể theo công thức sau:

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = 60% x diện tích x giá của loại đất trồng lúa.

Khoản tiền thu để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được nộp vào ngân sách tỉnh, hạch toán mục lục ngân sách mục thu khác, tiểu mục 4914 và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Trình tự và thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Trình tự nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời hạn nộp:

a) Trong thời hạn mười (10) ngày (kể cả ngày nghỉ), kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính đề nghị xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

b) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày (kể cả ngày nghỉ), kể từ ngày thông báo của cơ quan Tài chính, các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thực hiện nộp 100% số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp vào ngân sách tỉnh, cụ thể:

- Nộp 50% số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp vào ngân sách tỉnh trong vòng ba mươi (30) ngày đầu, kể từ ngày thông báo của cơ quan Tài chính;

- Nộp 50% số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp còn lại vào ngân sách tỉnh trong vòng sáu mươi (60) ngày tiếp theo.

Trường hợp quá thời hạn nộp theo thông báo của cơ quan Tài chính, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 5. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tại Điều 3 Quy định này và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định thực hiện các việc sau:

h

1. Hỗ trợ cho người trồng lúa

Sử dụng từ 50% đến 70% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo từng loại đất trồng lúa như sau:

- Đất chuyên trồng lúa nước 3 vụ/năm: Hỗ trợ 70% kinh phí;
- Đất chuyên trồng lúa nước 2 vụ/năm: Hỗ trợ 60% kinh phí;
- Đất trồng lúa nước còn lại (chỉ 1 vụ/năm): Hỗ trợ 50% kinh phí.

2. Phần kinh phí còn lại để thực hiện các việc sau:

a) Phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo phù hợp;

b) Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: Tăng độ dày của tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; thau chua, rửa mặn đối với đất bị nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác;

c) Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa;

d) Khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ bản kê khai, hồ sơ đề nghị xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của cơ quan, tổ chức trong nước; tổ chức nước ngoài sử dụng đất gửi, để xác định và ra thông báo thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định;

2. Hàng năm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

ba

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo, đề xuất gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ kinh phí cho địa phương sản xuất lúa (nếu có) theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất của cơ quan, tổ chức trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và ghi rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước mà cơ quan, tổ chức chuyển thành đất phi nông nghiệp làm cơ sở xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp ngân sách nhà nước. Đồng thời nêu rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong nước; tổ chức nước ngoài lập bản kê khai, nộp hồ sơ xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước trong Quyết định giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp thuộc diện phải nộp và bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo điều 134 Luật Đất đai năm 2013 gửi về Sở Tài chính để xác định và thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác định vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

4. Phối hợp với Sở Tài chính trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ và sử dụng nguồn thu theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy định này.

5. Hằng năm, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về đất nông nghiệp và cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

6. Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa của địa phương trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của địa phương;

b

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa ở các địa phương.

3. Tổng hợp dự toán kinh phí kiến nghị Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa (nếu có), gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo, đề xuất gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Tài chính trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ và sử dụng nguồn thu theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy định này.

5. Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm;

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính báo cáo, đề xuất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ kinh phí cho địa phương sản xuất lúa (nếu có) theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi của cấp tỉnh.

2. Tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt; xác định ranh giới, lập bản đồ diện tích đất trồng lúa, vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao. Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường khi tham mưu thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất của hộ gia đình, cá nhân trong nước phải xác định diện tích chuyên trồng lúa nước chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp (nếu có) làm cơ sở xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp ngân sách nhà nước. Đồng thời nêu rõ trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân trong nước lập bản kê khai, nộp hồ sơ xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước trong Quyết định giao đất, cho thuê đất gửi về phòng Tài chính - Kế hoạch để xác định và tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước theo quy định.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa bàn huyện.

b

4. Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp xã trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi cấp huyện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ; tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc xác định vùng chuyển đổi; thông báo công khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã vào quý IV của năm trước trong thời hạn 60 ngày.

2. Tiếp nhận, xử lý Bản đăng ký chuyển đổi; lập sổ theo dõi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

3. Tổ chức cắm mốc xác định ranh giới diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ sau khi quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã được duyệt.

4. Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

5. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai và trách nhiệm của người sử dụng đất trồng lúa quy định tại Điều 6 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

2. Đối với các cơ quan, tổ chức trong nước; tổ chức nước ngoài

Căn cứ Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập bản kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê gửi

về Sở Tài chính để xác định và ra thông báo thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước; cá nhân nước ngoài

Căn cứ Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập bản kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố để xác định và ra thông báo thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính, để hướng dẫn tổ chức thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh theo thẩm quyền./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh